

Số: 140 /KH-UBND

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 7 năm 2018

KẾ HOẠCH

Chương trình Nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng vay vốn Ngân hàng Thế giới năm 2019, tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số 876/TCTL-NN ngày 28/6/2018 của Tổng cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc xây dựng kế hoạch Chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn dựa trên kết quả tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng vay vốn WB năm 2019; trên cơ sở báo cáo và đề xuất tại Công văn số 2299/SNN&PTNT-KHTC ngày 17/7/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn dựa trên kết quả tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng vay vốn WB năm 2019, với các nội dung sau:

I. Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2018, ước thực hiện giai đoạn 2013-2018.

1. Kết quả thực hiện các Chỉ số giải ngân (CSGN):

a) Kết quả thực hiện chỉ số giải ngân 6 tháng đầu năm, ước thực hiện năm 2018.

TT	Mục tiêu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2018	Ước thực hiện năm 2018
	Mục tiêu chung			
1	Tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước HVS	93	92,1	93
2	Tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước theo Qui chuẩn QCVN02 của Bộ Y tế	51	49,5	50
3	Tỷ lệ trường học có nước và nhà tiêu HVS	96	95	96
4	Tỷ lệ trạm y tế có nước và nhà tiêu HVS	99	98,6	99
5	Tỷ lệ hộ dân nông thôn có nhà tiêu HVS	69	68,6	69
6	Tỷ lệ hộ có chuồng trại HVS	53	50	53
II	Chỉ số giải ngân (DLI) chương trình PforR			
1	1.1.Số đầu nước mới đang hoạt động	2.303	2.000	9.000
2	1.2.Số nhà tiêu hộ gia đình HVS được	424	-	2.000

	xây mới hoặc cải tạo			
3	2.1.Số người được cấp nước từ công trình cấp nước bền vững	3.637	0	16.800
4	2.2.Số người hưởng lợi từ các xã VSTX	35.436	0	35.436
5	2.3.Số xã có trường học và trạm y tế duy trì được tình trạng vệ sinh	6	6	6
6	3.1.Số kế hoạch năm được phê duyệt	Có	Có	Có
7	3.2.Số báo cáo năm được công bố	Có	-	Có

b) Đánh giá kết quả thực hiện các CSGN năm 2018:

- Số đầu nổi nước mới trong 6 tháng đầu năm đạt thấp do đa số các công trình cấp nước đưa vào kiểm đếm năm 2018 đang lắp đặt đồng hồ theo danh sách đăng ký của các hộ dân; một số công trình đang thực hiện đầu tư, hoàn thành vào cuối năm 2018.

- Số nhà tiêu hộ gia đình HVS xây mới trong 6 tháng đầu năm chủ yếu là do các hộ gia đình tự bỏ kinh phí để đầu tư (vốn Chương trình PforR chưa chuyển về cho tỉnh để thực hiện; vốn Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới, mới thông báo vốn nên hiện nay đang triển khai thực hiện). Tuy nhiên, Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh chưa có thông kê số lượng nhà tiêu xây mới đạt được trong 6 tháng đầu năm. Dự kiến công tác xây dựng nhà tiêu hộ gia đình sử dụng vốn hỗ trợ từ Chương trình PforR, Chương trình nông thôn mới sẽ triển khai xây dựng trong 6 tháng cuối năm khi nguồn vốn được chuyển cho đơn vị thực hiện; ước cuối năm 2018 đạt 2.000 nhà tiêu xây mới, trong đó 1.000 nhà tiêu xây mới từ kinh phí hỗ trợ của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; 647 nhà tiêu từ vốn của Chương trình PforR, còn lại là từ nguồn vốn khác hoặc nhân dân tự đầu tư.

- Số người hưởng lợi từ công trình cấp nước bền vững: Dự kiến cuối năm 2018 đạt được là 16.800 người từ công trình cấp nước sạch xã Định Long, Định Liên huyện Yên Định và xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa.

- Số người hưởng lợi từ xã đạt vệ sinh toàn xã: Năm 2018 dự kiến có 8 xã bao gồm các xã: Xuân Khánh, Thiệu Hòa, Quảng Giao, Triệu Dương, Mậu Lâm, Hà Tiến, Phong Lộc và Hoàng Đạo với 37.105 người được hưởng lợi từ xã vệ sinh toàn xã, đạt 104,7% mục tiêu Chương trình.

- Số công trình cấp nước và vệ sinh trong trường học, trạm y tế duy trì bền vững: Năm 2018 dự kiến có 6 xã đạt vệ sinh toàn xã năm 2016 có công trình nước và vệ sinh trường học và trạm y tế duy trì bền vững (gồm các xã: Hải Long, Minh Nghĩa, Hà Giang, Thiệu Lý, Thọ Diên, Luận Thành).

2. Kết quả thực hiện về nguồn vốn năm 2018

Tổng kế hoạch vốn WB phân bổ năm 2018 là 117.370 triệu đồng, gồm:

- Vốn đầu tư phát triển là 117.370 triệu đồng (Vốn trung ương cấp phát là 95.000 triệu đồng; Vốn vay lại là 22.370 triệu đồng);

- Vốn sự nghiệp là 2.500 triệu đồng.

Đối với nguồn vốn đầu tư phát triển cho Hợp phần 1 - Cấp nước, cơ chế

tài chính của Chương trình là: vốn cấp phát 60%, vốn vay lại 30% (tỷ lệ vốn cấp phát và vốn vay lại là 2:1).

Tuy nhiên, do vốn cấp phát và vốn vay lại năm 2018 có sự chênh lệch so với cơ chế tài chính của Chương trình nên đến nay UBND tỉnh mới giao chi tiết vốn đầu tư là 67.110 triệu đồng (gồm 44.740 triệu đồng vốn cấp phát và 22.370 triệu đồng vốn vay lại theo đúng cơ chế tài chính Chương trình). Còn lại 50.260 triệu đồng vốn trung ương cấp phát chưa giao chi tiết cho đơn vị thực hiện.

Nguồn vốn năm 2018 đã giao (67.100 triệu đồng vốn đầu tư phát triển và 2.500 triệu đồng vốn sự nghiệp) đến nay chưa giải ngân do Ngân hàng Thế giới chưa thẩm định xong kết quả đầu ra năm 2017, Bộ Tài chính chưa chuyển tiền về tài khoản nguồn cho các đơn vị thực hiện.

3. Dự kiến kết quả đạt được giai đoạn 2013 - 2018.

- Chỉ số giải ngân DLI I - Số đầu nổi nước mới:

Với kết quả đạt được đến hết năm 2017 và dự kiến đạt được năm 2018 (9.000 đầu nổi). Nâng tổng số đầu nổi mới đạt được trong 5 năm dự kiến sẽ là 52.497 đầu nổi mới, đạt 114,6% mục tiêu.

- Chỉ số giải ngân DLI III - Số người hưởng lợi từ công trình cấp nước bền vững:

Năm 2018 dự kiến đạt được 16.817 người hưởng lợi từ công trình cấp nước bền vững (Công trình cấp nước xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa và công trình xã Định Long, Định Liên huyện Yên Định).

Nâng tổng số người hưởng lợi từ công trình cấp nước bền vững dự kiến đạt được 5 năm là 127.680 người, đạt 111,5% mục tiêu.

- Chỉ số giải ngân DLI II - Số nhà tiêu hợp vệ sinh mới:

Năm 2018 dự kiến đạt được 2.000 nhà tiêu xây mới; nâng tổng số nhà tiêu xây mới đạt được 5 năm là 19.096 nhà tiêu, bằng 110% mục tiêu Chương trình.

- Chỉ số giải ngân DLI IV - Số người hưởng lợi từ xã đạt vệ sinh toàn xã:

Năm 2018 dự kiến đạt được 38.455 người hưởng lợi từ 8 xã đạt vệ sinh toàn xã gồm: Xuân Khánh, Thiệu Hòa, Quảng Giao, Phong Lộc, Triệu Dương, Hoàng Đạo, Mậu Lâm, Hà Tiến. Nâng tổng số người hưởng lợi từ xã đạt VSTX trong 5 năm lên 174.769 người, đạt 101,8% mục tiêu của Chương trình.

Như vậy, đến hết năm 2018, tỉnh Thanh Hóa sẽ cơ bản hoàn thành và vượt chỉ tiêu về Chỉ số giải ngân của Chương trình giai đoạn 2013 - 2018.

4. Những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân.

- Đời sống khu vực nông thôn của tỉnh chưa cao, nhận thức về nước sạch và vệ sinh một số nơi còn hạn chế nên việc huy động nguồn vốn cho đầu tư công trình nước sạch, nhà tiêu hộ gia đình, đầu nổi sử dụng nước sạch gặp nhiều khó khăn.

- Vốn phân bổ theo kế hoạch trung hạn và vốn vay lại có sự chênh lệch so với cơ chế tài chính nên các tỉnh khó khăn trong việc xây dựng kế hoạch và giao vốn chi tiết.

- Nguồn vốn phân bổ hàng năm thấp so với kế hoạch, chưa đủ để thanh

toán khối lượng hoàn thành của các tiểu dự án cấp nước; kinh phí chuyển về tài khoản nguồn của tỉnh chậm nên ảnh hưởng đến việc giải ngân nguồn vốn.

5. Giải pháp để đạt được mục tiêu CSGN trong những tháng cuối năm 2018.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân các xã hưởng lợi đầu nổi nước sạch từ các công trình cấp nước để tăng số đầu nổi.

- Phối hợp với các đơn vị cấp nước (Công ty CP cấp nước Thanh Hóa, các doanh nghiệp) để đưa các công trình cấp nước mới vào danh sách các công trình kiểm đếm năm 2018, đảm bảo hoàn thành CSGN 1.1 - Số đầu nổi nước mới.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các công trình cấp nước tập trung, đảm bảo đạt tiêu chí công trình hoạt động bền vững theo các tiêu chí của Chương trình tại Sổ tay hướng dẫn. Từ đó, đảm bảo hoàn thành CSGN 2.1 - Số người hưởng lợi từ công trình cấp nước bền vững.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn UBND các huyện đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư công trình cấp nước và vệ sinh cho trường học, trạm y tế thuộc các xã đăng ký vệ sinh toàn xã để năm 2018 hoàn thành CSGN 2.2.

- Sử dụng và giải ngân nguồn vốn được giao đúng mục đích và đúng quy định.

- Tiếp tục quản lý, vận hành các công trình cấp nước tập trung, các công trình cấp nước và vệ sinh trường học, trạm y tế hiệu quả để đảm bảo mục tiêu của Chương trình.

II. Kế hoạch năm 2019.

1. Kế hoạch thực hiện năm 2019

Đến hết năm 2018, các mục tiêu về Chỉ số giải ngân của Chương trình PforR giai đoạn 2013-2018 của tỉnh Thanh Hóa dự kiến sẽ hoàn thành và vượt mục tiêu so với kế hoạch.

* Căn cứ theo hướng dẫn tại Công văn 876/TCTL-NN ngày 28/6/2018 của Tổng cục Thủy lợi, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xây dựng kế hoạch nguồn vốn Chương trình PforR năm 2019, tỉnh Thanh Hóa như sau:

- Tổng kế hoạch vốn năm 2019 là 87.107 triệu đồng.

Trong đó:

+ Vốn đầu tư phát triển: 85.807 triệu đồng (thanh toán khối lượng hoàn thành công trình cấp nước tập trung thuộc Hợp phần 1)

+ Vốn sự nghiệp: 1.300 triệu đồng, thực hiện các hoạt động IEC, nâng cao năng lực, giám sát đánh giá và quản lý Chương trình (thuộc Hợp phần 3).

* Đối với vốn phân bổ theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020:

Tổng vốn đầu tư trung hạn 2016-2020 được thông báo là 290.000 triệu đồng (vốn cấp phát). Đến hết 2018 đã phân bổ 228.155 triệu đồng (cho Hợp phần 1 - Cấp nước là 214.395 triệu đồng và Hợp phần 2 - Vệ sinh là 13.760 triệu đồng).

Tuy nhiên, nhu cầu vốn cấp phát của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 để hoàn thành các công trình là 286.328 triệu đồng. Còn dư 3.672 triệu đồng đề nghị cho tỉnh đầu tư mở rộng hệ thống nước sạch 8 xã huyện Hoằng Hóa để cấp nước cho xã Hoằng Hà, huyện Hoằng Hóa trong năm 2019.

2. Một số yêu cầu đối với các đơn vị:

- Yêu cầu UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo UBND các xã được hưởng lợi từ công trình cấp nước đẩy nhanh công tác thu tiền đối ứng của người hưởng lợi theo đúng quy định của Chương trình.

- Yêu cầu Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các huyện chỉ đạo các (Chủ đầu tư) thực hiện đầu tư các công trình cấp nước và vệ sinh cho các trường học thuộc các xã vệ sinh toàn xã năm 2018 (8 xã) đẩy nhanh tiến độ thực hiện đảm bảo hoàn thành được CSGN2.2 về số người hưởng lợi từ xã vệ sinh toàn xã của Chương trình giai đoạn 2013-2018.

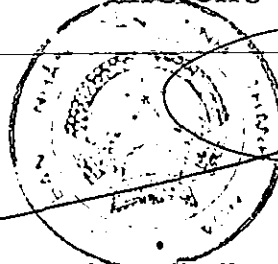
3. Kiến nghị.

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT đề xuất Bộ Tài chính cân đối nguồn vốn cấp phát giao theo kế hoạch trung hạn 2016 - 2020 và vốn vay lại theo Hợp đồng vay của tỉnh để đảm bảo theo cơ chế tài chính của Chương trình; đảm bảo nguồn vốn để thanh toán cho khối lượng đã thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT (để b/c);
- T.tr Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Các sở: NN&PTNT, KH&ĐT, TC, GD&ĐT, Y tế;
- Trung tâm Nước sinh hoạt và VSMTNT tỉnh;
- Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh;
- Lưu: VT, Pg NN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

